TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN SƠN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **271**/2024/HNGĐ- ST
Ngày: 24/9/2024
V/v: Tranh chấp ly hôn và giao nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Thị Thu Thủy**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Văn Ninh**
2. Bà **Triệu Thị Hà**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thảo Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Trọng Cường** - Kiểm sát viên.

Ngày 24/9/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Sơn mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 194/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024 về: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93a/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/8/2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 70/2024/QĐ-HPT ngày 10/9/2024, giữa:

* Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị L**, sinh năm 1993

* Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh N**, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Thôn 15, xã T, huyện Y, tỉnh T.

(Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Hoàng Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thanh N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Tiến, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 02/02/2010 trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục, tập quán địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống cùng gia đình nhà anh N tại thôn 15, xã T, huyện Y, tỉnh T. Thời gian đầu vợ chồng chị chung sống bình thường, đến năm 2023 thì mâu thuẫn gay gắt. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do tính tình hai bên không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, chị và anh N sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn,

mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh N.

Về con chung: Chị và anh N có 02 con chung tên là Nguyễn Hoàng Anh L, sinh ngày 11/10/2010 và Nguyễn Hoàng Ánh N, sinh ngày 05/10/2014. Trước khi gửi đơn ly hôn thì chị và anh N đã thống nhất, anh N sẽ nuôi dưỡng con chung. Nay chị yêu cầu anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con Nguyễn Hoàng Anh L và cháu Nguyễn Hoàng Ánh N, vì hiện nay chị không có chỗ ở và chưa có việc làm ổn định. Chị để lại toàn bộ tài sản cho anh N và các con, chị ra đi hai bàn tay trắng nên chị chưa có điều kiện cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị và anh N sẽ tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh N không có vay nợ chung trong thời gian chung sống nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi, tống đạt và tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định. Tuy nhiên anh N không có văn bản trình bày ý kiến và không có mặt tại Tòa án để tham gia giải quyết vụ án. Do đó Tòa án không lấy được lời khai và không tiến hành hòa giải giữa chị L và anh N được. Ngày 06/8/2024, chị Hoàng Thị L có đơn từ chối hòa giải.

Trong đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên toà, chị Hoàng Thị L giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề nào khác.

Tại phiên toà, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, xử cho chị Hoàng Thị ệ được ly hôn với anh Nguyễn Thanh N. Về con chung: Đề nghị HĐXX tuyên giao cháu Nguyễn Hoàng Anh L, sinh ngày 11/10/2010 và cháu Nguyễn Hoàng Ánh N, sinh ngày 05/10/2014 cho anh Nguyễn Thanh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung, do hiện tại anh N không có ý kiến yêu cầu, chị L xác định hiện không có điều kiện nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị HĐXX tuyên chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, chị L không yêu cầu; về nợ chung, chị L xác định không có nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết. Về án phí, đề nghị HĐXX tuyên chị Hoàng Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Thanh N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 02/02/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Tiến, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Như vậy quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị Hoàng Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giao nuôi con chung, Toà án nhân dân huyện Yên Sơn xác định quan hệ pháp luật là: "*Tranh chấp ly hôn và giao nuôi con chung khi ly hôn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Kết quả xác minh xác định bị đơn anh Nguyễn Thanh N hiện đang cư trú và sinh sống tại thôn 15, xã T, huyện Y, tỉnh T. Căn cứ khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

[3] Chị Hoàng Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Thanh N được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, HĐXX căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị L, HĐXX nhận định:

[4.1] Đối với yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Thanh N: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh Nhàn đang sinh sống thường xuyên xác định: Chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Thanh N kết hôn từ năm 2010. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn 15, xã T, huyện Y, tỉnh T. Cuộc sống vợ chồng của anh chị bình thường đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn cụ thể địa phương không nắm được nhưng xác nhận việc anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay. Bản thân chị L xác định vợ chồng không còn tình cảm, không còn quan tâm đến nhau, không thể đoàn tụ chung sống được nữa vì mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị L xác định là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Quá trình giải quyết vụ án, anh N không có mặt theo yêu cầu của Tòa án để tham gia hòa giải, điều đó cho thấy anh N cũng không có thiện chí mong muốn hòa giải đoàn tụ. Tình trạng mâu thuẫn giữa chị L và anh N cũng được gia đình và chính quyền đại phương xác nhận.

Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Thanh N đã thực sự trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ tiếp tục chung sống. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị L là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Đối với yêu cầu được giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định: Chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Thanh N có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Anh L, sinh ngày 11/10/2010 và cháu Nguyễn Hoàng Ánh N, sinh ngày 05/10/2014, hiện nay cả hai cháu đang ở với anh N. Tuy anh N đi làm ăn nhưng thường xuyên về nhà, thường xuyên quan tâm, chăm sóc các con, đồng thời còn có

thêm sự trợ giúp của bố mẹ đẻ của anh N ở gần trong việc trông nom, chăm sóc các cháu. Khi ly hôn chị L yêu cầu anh N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung của anh chị vì điều kiện kinh tế và nơi ở của chị chưa đảm bảo được việc trực tiếp nuôi con. Về cấp dưỡng, chị L trình bày đã thỏa thuận với anh N trước khi chị gửi đơn ly hôn là chị để lại toàn bộ tài sản chung cho anh N nuôi con do công việc và thu nhập của chị chưa ổn định nên chị không thể cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N được. Xét về quyền và nghĩa vụ của chị L và anh N là như nhau nhưng xét về điều kiện, hoàn cảnh sống thì anh N đủ điều kiện để đảm bảo việc trực tiếp nuôi con hơn chị L; xét về nguyện vọng của con trên 7 tuổi thì cháu L và cháu N đều có nguyện vọng ở với bố. Tham vấn ý kiến của chính quyền địa phương có ý kiến, trong hoàn cảnh của chị L, anh N thì Toà án nên giao cháu L và cháu N cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Từ những phân tích trên, HĐXX xét thấy yêu cầu của chị L về việc giao cho anh N nuôi 02 con chung của anh chị là có căn cứ cần được chấp nhận. Do hiện tại anh N không có yêu cầu nên chị L không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét;

[6] Về vay nợ chung: Chị Hoàng Thị L xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Thanh N không phải nộp án phí.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L được ly hôn anh Nguyễn Thanh N.

2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Hoàng Anh L, sinh ngày 11/10/2010 và Nguyễn Hoàng Ánh N, sinh ngày 05/10/2014 cho anh Nguyễn Thanh N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Hoàng Thị L không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000

đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000001491320 ký bởi Công ty Cổ phần thanh toán Quốc gia Việt Nam ngày 16/7/2024 tương ứng với Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002097 ngày 18/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Chị L đã nộp đủ án phí của vụ án.

Anh Nguyễn Thanh N không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định./.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- UBND xã Tân Tiến (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đào Thị Thu Thủy

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Phạm Văn Ninh - Triệu Thị Hà	**Đào Thị Thu Thuỷ**